ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA CẤP II CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA
Mã số: CK 62 72 20 40

(Đính kèm Quyết định ban hành chương trình chi tiết đào tạo Chuyên khoa cấp II chuyên ngành Nội khoa, ngày 31 tháng 12 năm 2016)

A. CÁC MÔN HỌC CHUNG

TT	Mã môn học/học phần	Tên môn học/ Học phần	Tổng số ĐVHT/Tiết học	Phân bố ĐVHT/Tiết học	
				LT	TH
1	THON204	Tin học nâng cao	4/60	2/30	2/30
2	PPDH203	Phương pháp dạy học	3/45	2/30	1/15
3	NCKH203	Phương pháp NCKH Y học	3/45	2/30	1/15
4	ENCH204	Tiếng Anh chuyên ngành	4/60	4/60	
		Cộng	**14/210**	**10/150**	**4/60**

B. CÁC MÔN HỌC CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ

STT	Mã môn học/học phần	Tên môn học/ Học phần	Tổng số ĐVHT/Tiết học	Phân bố ĐVHT/Tiết học	
				LT	TH
1.	UNGT213	Ung thư học - Giải phẫu bệnh	3/45	2/15	1/15
2.	HOIS212	Hồi sức cấp cứu	2/30	1/15	1/15
3.	THAN212	Thần kinh	2/30	1/15	1/15
4.	CHAN212	Chẩn đoán hình ảnh	2/30	1/15	1/15
		Tổng cộng	**9/135**	**5/75**	**4/60**

C. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH

STT	Mã môn học/học phần	Tên môn học/ Học phần	Tổng số ĐVHT/Tiết học	Phân bố ĐVHT/Tiết học	
				LT	TH
1	TIMM223	Tim mạch	7/105	3/45	
2	TIMM224	Tim mạch			4/60
3	TIEU223	Tiêu hóa	7/105	3/45	
4	TIEU224	Tiêu hóa			4/60
5	NOIT223	Nội tiết	7/105	3/45	
6	NOIT224	Nội tiết			4/60
7	HUYE222	Huyết học	6/90	2/30	
8	HUYE224	Huyết học			4/60
9	HOHA223	Hô hấp	7/105	3/45	4/60
10	HOHA224	Hô hấp			
11	COXU223	Cơ xương khớp	7/105	3/45	4/60
12	COXU224	Cơ xương khớp			
13	TIET223	Tiết niệu	7/105	3/45	4/60
14	TIET224	Tiết niệu			
		Tổng	**48/720**	**20/300**	**28/420**

D. CÁC MÔN LỰA CHỌN *(chọn 2 trong 3 môn)*

STT	Mã môn học/học phần	Tên môn học/ Học phần	Tổng số ĐVHT/Tiết học	Phân bố ĐVHT/Tiết học	
				LT	TH
1.	LAO212	Lao	2/30	1/15	1/15
2.	SINH212	Sinh hoá	2/30	1/15	1/15
3.	THON212	Thống kê và tin học	2/30	1/15	1/45
		Tổng	**4/60**	**2/30**	**2/90**

E. LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP: **25 ĐVHT**